HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2026/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ, quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Xét Tờ trình số 15758/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Báo cáo thẩm tra số 406/BC-VHXH ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban ngành và cơ quan cấp tỉnh; các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã) và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm phân bổ vốn có trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, tiết kiệm và quản lý, sử dụng vốn hiệu quả, bền vững.

2. Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; bảo đảm phân bổ vốn đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển và kinh phí thường xuyên của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao.

3. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nhiệm vụ: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông phấn đấu đảm bảo đạt mức chuẩn tối thiểu theo quy định; triển khai các chương trình bồi dưỡng, đào tạo lại và nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực số, ngoại ngữ và kỹ năng sư phạm hiện đại cho đội ngũ nhà giáo; tăng cường năng lực quản trị, quản lý đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý giáo dục; phát triển năng lực cốt lõi, kỹ năng số, phẩm chất toàn diện cho người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, hội nhập quốc tế.

4. Việc phân bổ vốn phải đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về nội dung, địa bàn, đối tượng, nhiệm vụ và nguồn vốn với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, nhiệm vụ khác; không trùng với các hoạt

động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách và phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

5. Ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được bố trí theo quy định, các xã chủ động lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia khác và nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

6. Việc ưu tiên bố trí vốn được xác định căn cứ vào mức độ thiếu hụt, tính cấp thiết, khả năng cân đối nguồn lực, hiệu quả đầu tư và tiến độ thực hiện; ưu tiên bố trí vốn cho các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính hoặc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì việc phân bổ vốn được kế thừa theo nhiệm vụ, dự án, địa bàn và đối tượng thụ hưởng, bảo đảm thực hiện liên tục, không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ và không làm tăng tổng mức vốn đã được giao.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho cấp xã

a) Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã ($H_{đvhc}$):

Xã khu vực II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, đặc khu: $H_{đvhc}$ = 1,2 điểm.

Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: $H_{đvhc}$ = 1,1 điểm.

Xã còn lại: $H_{đvhc}$ = 1,0 điểm.

b) Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ theo tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh/tổng chi cân đối ngân sách cấp xã năm 2026 ($M_{cđns}$):

Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung từ 80% trở lên: $M_{cđns}$ = 1,3 điểm.

Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung từ 60% đến dưới 80%: $M_{cđns}$ = 1,1 điểm.

Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung từ 40% đến dưới 60%: $M_{cđns}$ = 1,0 điểm.

Địa phương nhận hỗ trợ bổ sung nhỏ hơn 40%: $M_{cđns}$ = 0,6 điểm.

c) Hệ số định lượng thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở giáo dục tại xã j:

$P_{kch,j}$: Số lượng phòng học cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa;

$P_{pcgd,j}$: Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày;

$P_{thiếu,j}$: Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các chỉ tiêu $P_{kch,j}$, $P_{pcgd,j}$ và $P_{thiếu,j}$ được xác định theo nguyên tắc loại trừ trùng lặp; cùng một hạng mục, phòng học, thiết bị hoặc nhu cầu đầu tư chỉ được tính vào một tiêu chí.

d) Hệ số điểm về mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn bố trí vốn

α: Hệ số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học α = 1,3 điểm;

β: Hệ số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày β = 1,2 điểm;

γ: Hệ số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu γ = 1,0 điểm.

đ) Tiêu chí, hệ số điểm theo quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình trên địa bàn tại xã j

Quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ($Q_{đội_ngũ,j}$) là tổng số lượng về nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình với hệ số ưu tiên là 1,3 ($Q_{đội_ngũ,j}$ x 1,3) điểm;

Quy mô người học ($Q_{người_học,j}$) là tổng số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình với hệ số ưu tiên là 1,0 ($Q_{người_học,j}$ x 1,0) điểm.

e) Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ theo năng lực bồi dưỡng, tập huấn, thí điểm các mô hình về chuyển đổi số, ứng dụng AI có kiểm soát, dạy và học bằng tiếng Anh, giáo dục STEM/STEAM, phát triển tài năng, khởi nghiệp sáng tạo tại xã j ($H_{thí_điểm,j}$).

Triển khai từ 03 trường thí điểm trở lên: $H_{thí_điểm,j}$ = 2,0 điểm;

Triển khai từ 01 đến 02 trường thí điểm: $H_{thí_điểm,j}$ = 1,5 điểm.

Xã không có trường triển khai thí điểm: $H_{thí_điểm,j}$ = 1 điểm.

2. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho cấp tỉnh

a) Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ theo đơn vị hành chính nơi đặt trụ sở trường học ($H_{đvhc}$):

Xã khu vực II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, đặc khu: $H_{đvhc}$ = 1,2 điểm.

Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: $H_{đvhc}$ = 1,1 điểm.

Xã còn lại: $H_{đvhc}$ = 1,0 điểm.

Đối với trường có từ 02 cơ sở trở lên thuộc các đơn vị hành chính khác nhau và thuộc các khu vực khác nhau thì áp dụng hệ số của đơn vị hành chính nơi trường được bố trí vốn.

b) Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ theo tỷ lệ đảm bảo kinh phí chi thường xuyên $M_{đbctx}$

Trường tự đảm bảo dưới 10% chi thường xuyên $M_{đbctx}$ = 1,3 điểm

Trường tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên $M_{đbctx}$ = 1,1 điểm

Trường tự đảm bảo từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên $M_{đbctx}$ = 1,0 điểm

Trường tự đảm bảo từ 70% đến 100% chi thường xuyên $M_{đbctx}$ = 0,6 điểm

c) Hệ số định lượng thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường j

$P_{kch,j}$: Số lượng phòng học cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa;

$P_{pcgd,j}$: Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày;

$P_{thiếu,j}$: Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các chỉ tiêu $P_{kch,j}$, $P_{pcgd,j}$ và $P_{thiếu,j}$ được xác định theo nguyên tắc loại trừ trùng lặp; cùng một hạng mục, phòng học, thiết bị hoặc nhu cầu đầu tư chỉ được tính vào một tiêu chí.

d) Hệ số điểm về mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn bố trí vốn.

α: Hệ số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học α = 1,3 điểm;

β: Hệ số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày β = 1,2 điểm;

γ: Hệ số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu γ = 1,0 điểm.

đ) Tiêu chí, hệ số điểm theo quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình tại trường j:

Quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ($Q_{đội_ngũ,j}$) là tổng số lượng về nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình với hệ số ưu tiên là 1,3 ($Q_{đội_ngũ,j}$ x 1,3) điểm;

Quy mô người học ($Q_{người_học,j}$) là tổng số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình với hệ số ưu tiên là 1,0 ($Q_{người_học,j}$ x 1,0) điểm.

e) Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ theo năng lực bồi dưỡng, tập huấn, thí điểm các mô hình về chuyển đổi số, ứng dụng AI có kiểm soát, dạy và học bằng tiếng Anh, giáo dục STEM/STEAM, phát triển tài năng, khởi nghiệp sáng tạo tại trường j ($H_{thí_điểm,j}$).

Trường được chọn triển khai thí điểm: $H_{thí_điểm,j}$ = 1,5 điểm;

Trường không được chọn triển khai thí điểm: $H_{thí_điểm,j}$ = 1 điểm.

3. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn cho cấp xã, cấp tỉnh

a) Phân bổ vốn đầu tư

Vốn đầu tư phân bổ cho cấp xã j hoặc cấp tỉnh (V_j) được xác định theo công thức sau:

$$V_j = \left(\frac{T_j}{\sum T_j}\right) \times V_{tổng}$$

Trong đó:

V_j: Vốn đầu tư phân bổ cho cấp xã hoặc cấp tỉnh trong giai đoạn kế hoạch;

$V_{tổng}$: Tổng số vốn đầu tư của Chương trình phân bổ, bao gồm vốn trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng của tỉnh. Xác định như sau:

$V_{tổng}$ = Vốn Trung ương hỗ trợ + Vốn đối ứng của tỉnh

T_j: Tổng số điểm định mức quy đổi cấp xã, cấp tỉnh được xác định như sau:

$$T_{j(xã)} = [(P_{kch,j} \text{ x } \alpha) + (P_{pcgd,j} \text{ x } \beta) + (P_{thiếu,\ j} \text{ x } \gamma)] \text{ x } H_{đvhc} \text{ x } M_{cđns}$$

$$T_{j(tỉnh)} = [(P_{kch,j} \text{ x } \alpha) + (P_{pcgd,j} \text{ x } \beta) + (P_{thiếu,\ j} \text{ x } \gamma)] \text{ x } H_{đvhc} \text{ x } M_{đbctx}$$

$\sum T_j$: Tổng số điểm của tất cả các xã và tỉnh, xác định như sau:

$$\sum T_j = T_1 + T_2 + T_3 + \ldots + T_n$$

b) Phân bổ kinh phí thường xuyên

Phương pháp xác định mức kinh phí thường xuyên phân bổ cho cấp xã j hoặc cấp tỉnh ($K_{tx,j}$)

$$K_{tx,j} = \frac{T_{tx,j}}{\sum T_{tx,j}} \times K_{Tổng}$$

Trong đó:

$K_{Tổng}$: Tổng kinh phí thường xuyên của Chương trình phân bổ, bao gồm kinh phí trung ương hỗ trợ và kinh phí đối ứng của tỉnh. Xác định như sau:

$K_{tổng}$ = Kinh phí trung ương hỗ trợ + Kinh phí đối ứng của tỉnh

$T_{tx,j}$: Tổng điểm định mức quy đổi cấp xã, cấp tỉnh xác định như sau:

$$T_{tx(xã),j} = [(Q_{đội_ngũ,j} \text{ x } 1{,}3) + (Q_{người_học,j} \text{ x } 1{,}0)] \text{ x } H_{đvhc} \text{ x } M_{cđns} \text{ x } H_{thí_điểm,j}$$

$$T_{tx(tỉnh),j} = [(Q_{đội_ngũ,j} \text{ x } 1{,}3) + (Q_{người_học,j} \text{ x } 1{,}0)] \text{ x } H_{đvhc} \text{ x } M_{đbctx} \text{ x } H_{thí_điểm,j}$$

$\sum T_{tx,j}$: Tổng điểm của tất cả các xã và tỉnh, xác định như sau:

$$\sum T_{tx,j} = T_{tx,1} + T_{tx,2} + T_{tx,3} + \ldots + T_{tx,n}$$

Điều 5. Phân bổ vốn thực hiện Chương trình

Căn cứ tổng nguồn vốn của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh, thực hiện phân bổ 10% nguồn vốn cho cấp tỉnh và 90% nguồn vốn cho cấp xã.

Điều 6. Bố trí vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Ngân sách tỉnh đảm bảo bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình tối thiểu bằng 38,73 % trên tổng ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp xã

Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách nhà nước chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Chương trình.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khoá XI, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Lưu Văn Trung